

Bản án số: 115/2023/DS-PT

Ngày: 30/3/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

2. Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bé Thi- Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2023/QĐ-PT, ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm L (Lan), sinh năm 1979; Địa chỉ: nhà số x, tổ x, ấp x, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1957; địa chỉ: nhà số x, tổ x, ấp x, xã Bi, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Tiến Tr, sinh năm 1975; địa chỉ: nhà số x, tổ x, ấp x, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thanh H – là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-4-2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn Hùng trình bày:

Chị L cho bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 11-8-2020 vay số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà H có viết giấy nợ và ký tên.

Ngày 13-8-2020 vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà H có viết giấy nợ và ký tên.

Ngày 09-5-2021 cho vay 150.000.000 đồng, bà H điện thoại cho chị L để vay tiền sau đó anh Nguyễn Tiến Tr – con ruột bà H đến nhận tiền và ký tên vào giấy nợ.

Ngày 13-01-2022, chị L và bà H có chốt lại thành giấy nợ với số tiền 330.000.000 đồng, bà H ký tên vào giấy nợ; lãi suất 6%/tháng. Chồng chị L là người sửa tháng năm của giấy nợ 330.000.000 đồng do sợ chốt nợ không tính lãi được của khoản vay 70.000.000 đồng ngày 13-8-2020. Chị L chỉ nhận được số tiền lãi bà H trả là 16.200.000 đồng đối với khoản vay 110.000.000 đồng và khoản vay 70.000.000 đồng.

Nay chị L yêu cầu bà H trả cho chị số tiền 330.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13-01-2022 đến khi giải quyết xong. Đối với khoản vay 70.000.000 đồng tính lãi từ ngày 13-8-2020 đến ngày 13-01-2022; khoản vay 110.000.000 đồng tính lãi từ ngày 11-8-2020 đến ngày 13-01-2022. Tại phiên tòa, chị L và người đại diện yêu cầu tính tiền lãi của khoản vay 150.000.000 đồng từ ngày 09-5-2021 cho đến ngày 13-01-2022 theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của chị L nhiều lần, cụ thể:

Vào ngày 11-8-2020 bà vay của chị L số tiền 110.000.000 đồng, có ghi giấy nợ và ký tên. Lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/triệu/ngày. Bà trả lãi từ tháng 9-2020 đến tháng 11-2020 với số tiền 39.600.000 đồng, trả lãi từ tháng 12-2020 đến tháng 12-2021 là 157.200.000 đồng. Tổng cộng là 296.800.000 đồng tiền lãi bà đã trả cho chị L. Bà có ghi vào mặt sau của giấy nợ này, khi tính toán tiền lãi xong chị L mới trả lại giấy nợ cho bà. Chị L có ký nhận tiền lãi: “Ngày 01/9/2020 gửi lãi 7.000.000 đ. Trả còn lãi 5200.000 đ. 12/9/20 trả 5.000.000 đ, còn 200.000 Ký nhận (chữ ký) Nguyễn Thị Cẩm L”. “Ngày 01/10/2020. L: 110.000.000 đ. Ngày 4/11/2020 gửi lãi 9.000.000 đ. Nhận đủ tháng: tiếp 7.500.000 đ (chữ ký)”, sau đó chị L tự gạch chéo. Còn lại các nội dung khác chị L không ký tên lý do là có khi bà gặp chị L ở ngoài đường nên bà giao tiền lãi trực tiếp cho chị L, không có ký nhận, bà tự ghi để theo dõi. Ngoài ra bà không còn chứng cứ khác để chứng minh việc trả tiền lãi cho chị L.

Vào ngày 13-8-2020 bà vay của chị L số tiền 70.000.000 đồng, bà có viết giấy nợ và ký tên. Lãi suất thỏa thuận 3.500 đồng/triệu/ngày. Bà đã trả lãi từ

tháng 12-2020 đến tháng 6-2021 là 7 tháng tương đương số tiền 51.450.000 đồng; từ tháng 7 đến tháng 12-2021 tổng số tiền lãi là 43.800.000 đồng, bà trả lãi 02 lần: lần 1 số tiền 18.000.000 đồng, lần 2 là 25.800.000 đồng. Khi trả tiền lãi, chị L ký nhận theo nội dung bà ghi “Ngày 25/4/2021 H trả 17.000.000 đ (13.7-13.12+21 trả 43.800.000) Người nhận (chữ ký) Nguyễn Thị Cẩm L” chị L ký tên, bà ghi họ tên Nguyễn Thị Cẩm L, sau khi ký thì chị L tự gạch chéo. Nội dung vị trí phía trên không liên quan đến vụ án này.

Ngày 09-5-2021 bà vay của chị L 150.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Bà chưa trả khoản tiền lãi nào. Số tiền này khi vay bà đang ở Thành phố Hồ Chí Minh nên điện thoại cho chị L để hỏi vay, con bà là Nguyễn Tiến Tr đến nhận tiền và ký tên vào giấy nợ.

Ngày 13-01-2022 bà và chị L chốt nợ, tổng cộng nợ gốc là 330.000.000 đồng và 108.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 150.000.000 đồng. Vài ngày sau bà trả cho chị L 13.000.000 đồng tiền lãi. Trả lãi tiếp theo tổng cộng 75.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó chị L tính tiền lãi của số tiền 330.000.000 đồng, tính lãi từ 10-01-2022 đến ngày 10-5-2022 là 82.500.000 đồng tiền lãi, tổng cộng nợ lãi là 102.500.000 đồng. Bà có ghi một giấy nợ thể hiện ngày 26-4-2022 bà sẽ trả tiền nợ lãi là 102.500.000 đồng và ngày 10-5-2022 bà sẽ trả nợ gốc là 330.000.000 đồng. Kể từ khi chốt nợ ngày 13-01-2022 đến nay bà trả cho chị L được 88.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc.

Bà thừa nhận còn nợ tiền gốc của chị L 330.000.000 đồng chưa trả, nhưng tiền lãi bà đã trả cho chị L là 366.050.000 đồng. Bà yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá vào số nợ gốc, còn lại bao nhiêu bà đồng ý trả cho chị L. Bà không đồng ý trả tiền lãi đối với khoản vay 70.000.000 đồng ngày 13-8-2020 và khoản vay 110.000.000 đồng ngày 11-8-2020 vì bà trả tiền lãi xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Tiến Tr trình bày:
Anh là con ruột của bà H, anh đang sống cùng bà H. Anh và chị L chỉ quen biết nhau do sống cùng ấp. Ngày 09-5-2021, bà H trực tiếp điện thoại để vay tiền của chị L số tiền 150.000.000 đồng, chị L đồng ý cho vay, nhưng bà H không có ở nhà nên anh trực tiếp nhận tiền và viết giấy nợ ký tên. Việc thỏa thuận trả lãi và thời hạn trả nợ gốc là do bà H là người thỏa thuận vay, thỏa thuận lãi và trả tiền lãi. Do bà H là người trực tiếp giao dịch vay mượn nên khi chốt nợ thì hai bên cộng lại hết các khoản vay, trong đó có khoản vay 150.000.000 đồng mà anh ký nhận nợ và bà H trực tiếp ký tên, lăn tay vào giấy nợ 330.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số 121/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm L 368.974.666 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng và tiền lãi là 38.974.666 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất *quy định tại khoản 2 Điều 468* của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Nguyễn Tiên Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2023 bị đơn – bà H có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 121/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét khấu trừ tiền lãi bà đã trả vượt quá theo quy định của pháp luật vào nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H trình bày: bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng đã trả cho chị L tiền lãi là 327.450.000 đồng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật vào nợ gốc, còn lại bao nhiêu bà đồng ý trả cho chị L.

Chị L trình bày: chị không còn ủy quyền cho ông Trần Văn Hùng tham gia tố tụng mà chị trực tiếp tham gia phiên tòa, chị không thừa nhận việc khai tiền lãi như bà H trình bày, thừa nhận có nhận tiền lãi do bà H trả là 16.200.000 đồng, yêu cầu bà H trả tiền gốc và lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng*: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thanh H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thanh H làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà H cho rằng đã trả tiền lãi cho chị L số tiền 327.450.000 đồng và yêu cầu xem xét khấu trừ, thấy rằng:

[2.1] Về số tiền vay: Chị L có cho bà H vay tiền nhiều lần cụ thể:

Ngày 11-8-2020 vay số tiền 110.000.000 đồng; ngày 13-8-2020 vay số tiền 70.000.000 đồng, hai lần vay này lãi suất 6%/tháng, bà H có viết giấy nợ và ký tên; ngày 09-5-2021 vay số tiền 150.000.000 đồng, con ruột bà H là anh Tr đến nhận tiền và ký tên vào giấy nợ. Ngày 13-01-2022 chị L và bà H có chốt lại thành giấy nợ với số tiền 330.000.000 đồng, bà H ký tên vào giấy nợ.

Bà H thừa nhận bà có vay tiền của chị L nhiều lần, ngày tháng năm vay tiền như chị L trình bày là đúng, tổng số tiền gốc bà còn nợ chị L là 330.000.000 đồng.

[2.2] Về mức lãi suất, tiền lãi đã trả:

Bà H cho rằng vay tiền của chị L với mức lãi 5.000 đồng/triệu/ngày đối với khoản vay 110.000.000 triệu đồng và khoản vay 150.000.000 triệu đồng; khoản vay 70.000.000 đồng lãi 3.500 đồng/triệu/ngày. Bà trả tiền lãi cho chị L được 296.800.000 đồng bà có ghi vào mặt sau giấy nợ 110.000.000 triệu đồng và bà ghi vào sổ của bà giữ. Chị L không thừa nhận, chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi của bà H số tiền là 16.200.000 đồng; cho vay lãi 6%/tháng. Bà H không có chứng cứ chứng minh chị L ký nhận số tiền 296.800.000 đồng nên không có căn cứ chấp nhận.

Kết quả giám định tại cấp sơ thẩm chỉ có cơ sở chấp nhận tiền lãi bà H trả là 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà H cho rằng đã trả lãi cho chị L được số tiền 327.450.000 đồng, việc trả lãi bà ghi vào mặt sau của giấy nợ 110.000.000 đồng và ghi vào sổ của bà. Chị L không thừa nhận việc ghi chép của bà H, vì bà H tự ghi. Do hai bên đã chốt nợ thành 330.000.000 đồng nên chị trả giấy giấy nợ 110.000.000 đồng lại cho bà H.

Qua xem xét mặt sau giấy nợ 110.000.000 đồng và sổ của bà H, bà H tự ghi không thể hiện có chữ ký của chị L, bà H không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi số tiền 327.450.000 đồng như bà trình bày nên không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả cho chị L tiền gốc và lãi tổng cộng 368.974.666 đồng là có căn cứ.

Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H,

giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thanh H.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 121/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm L đối với bà Nguyễn Thanh H về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 368.974.666 (ba trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng và tiền lãi là 38.974.666 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất *quy định tại khoản 2 Điều 468* của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Nguyễn Tiến Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Bà Nguyễn Thanh H phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng chi phí trưng cầu giám định (đã nộp xong).

3.2. Chị Nguyễn Thị Cẩm L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh H 1.000.000 (một triệu) đồng chi phí trưng cầu giám định.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh H được miễn nộp tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị L số tiền 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do Trần Chí Tâm đã nộp theo Biên lai thu số 0012361 ngày 30-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thanh H được miễn án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. DMC;
- CCTHADS h.DMC;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyên